CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà

Ngày 28/06/2024	9,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**14.1%**	**-5.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,400 - 20,685
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	209
Số lượng CPLH (CP)	21,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.00
EPS	384
P/E	25.3

DT thuần
Q2/24
110
tỷ VNĐ
QoQ: ▼71.0| -39.3%
YoY: ▲ 14.4| 14.9%

LN thuần
Q2/24
1.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.53| -60.2%
YoY: ▼0.20| -16.8%

LN sau thuế
Q2/24
1.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.32| -51.7%
YoY: ▲ 0.14| 12.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
2.4%
YoY: +/-▲ 0.7%

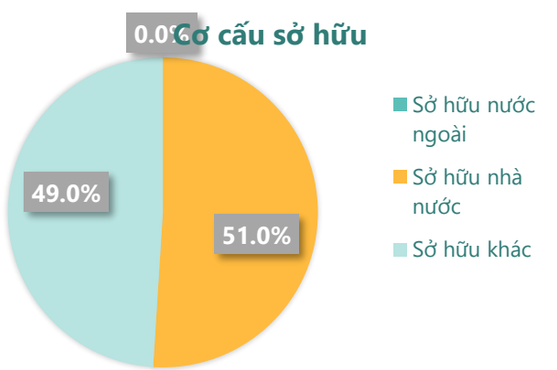
ROE (TTM)
Q2/24
3.6%
YoY: +/-▲ 0.1%

DT thuần
6T 2024
291
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.0| 19.5%

LN thuần
6T 2024
3.56
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.41| -10.2%

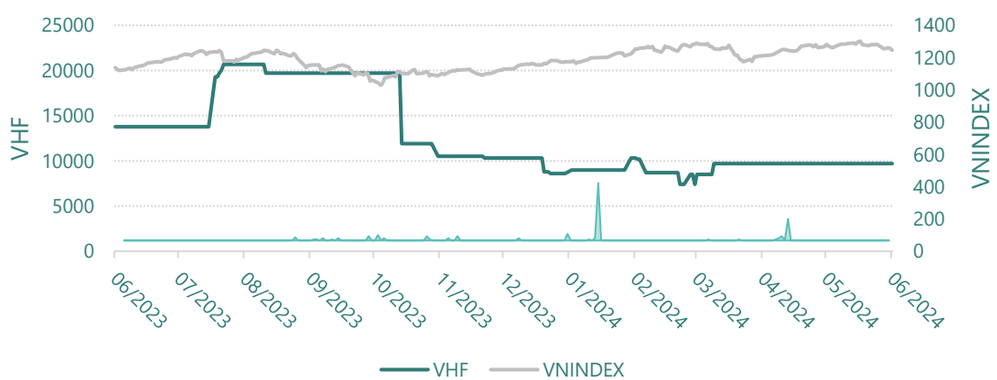
LN sau thuế
6T 2024
3.78
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 0.8%

Cơ cấu sở hữu

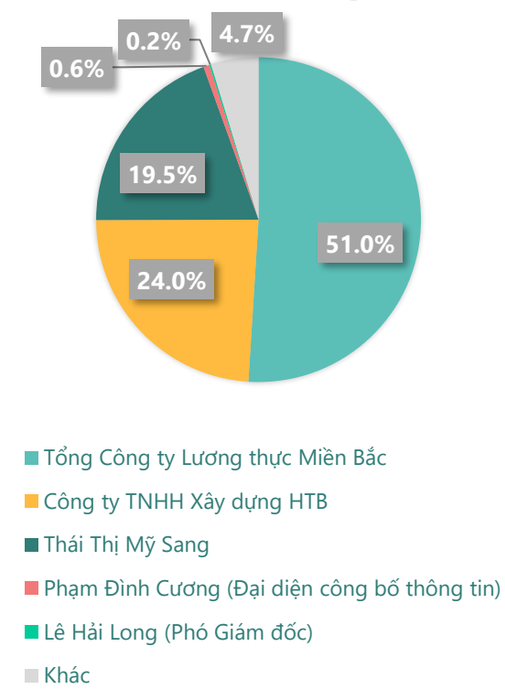


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



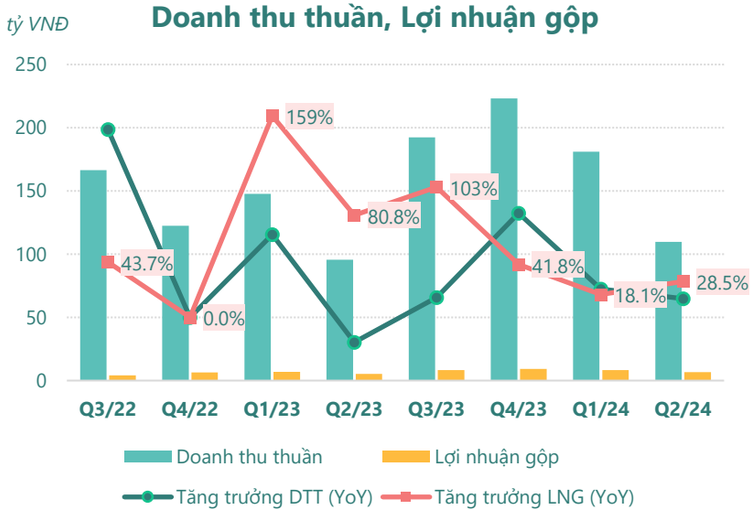
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

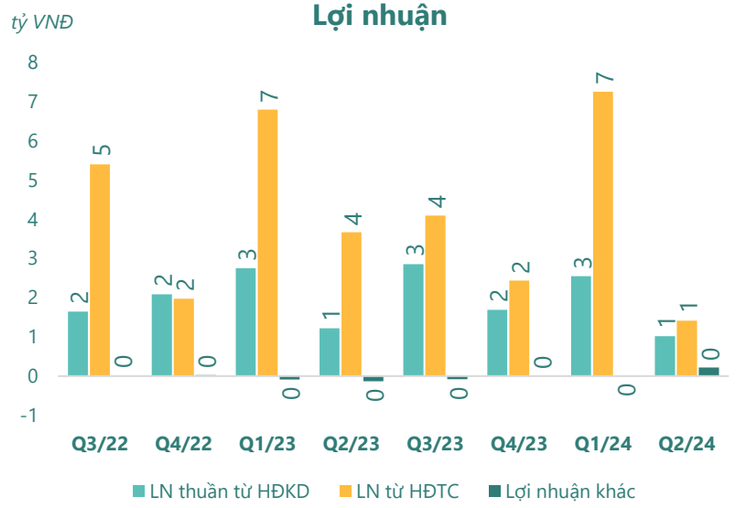
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



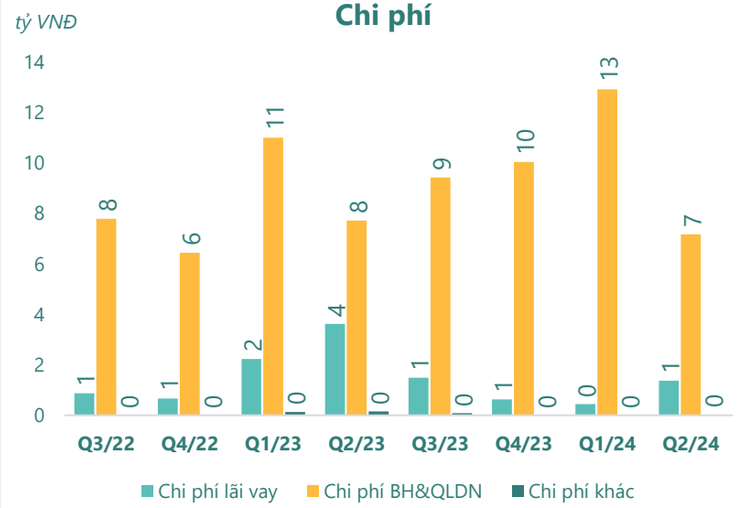
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



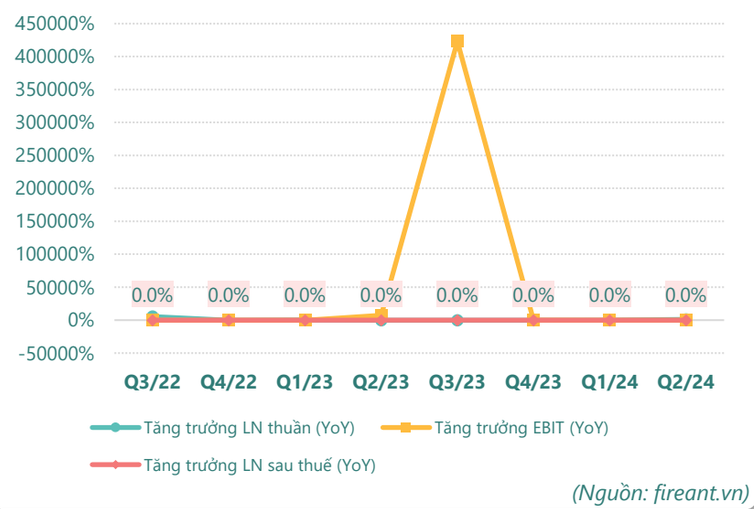
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



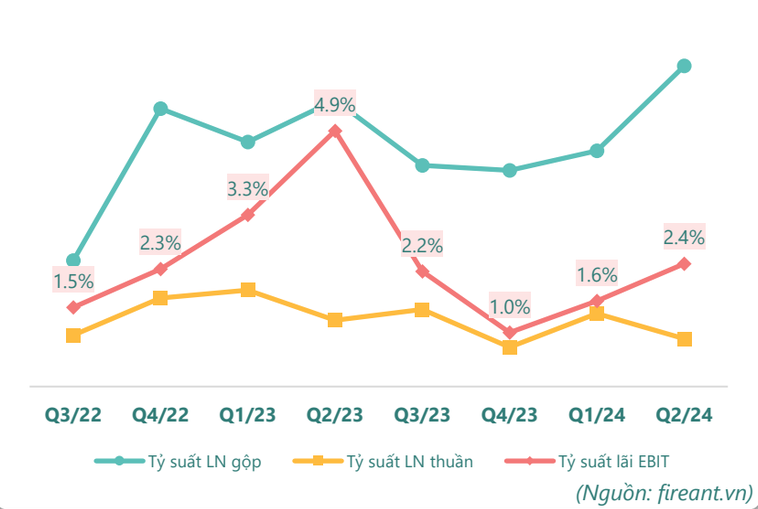
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



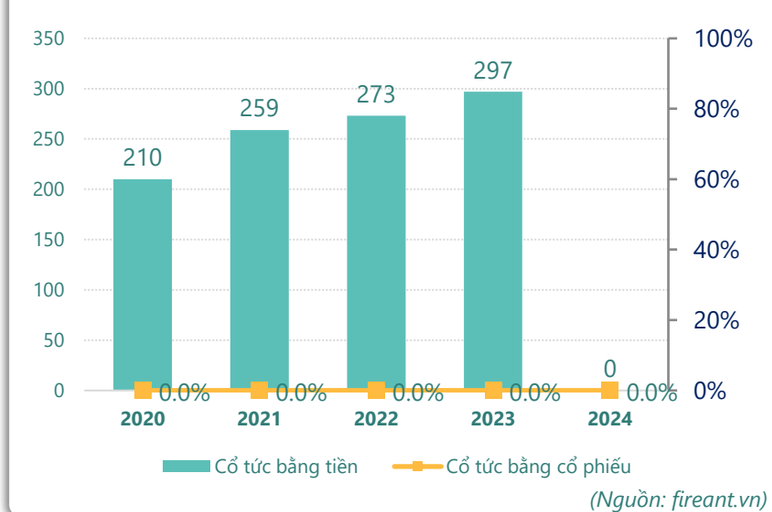
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

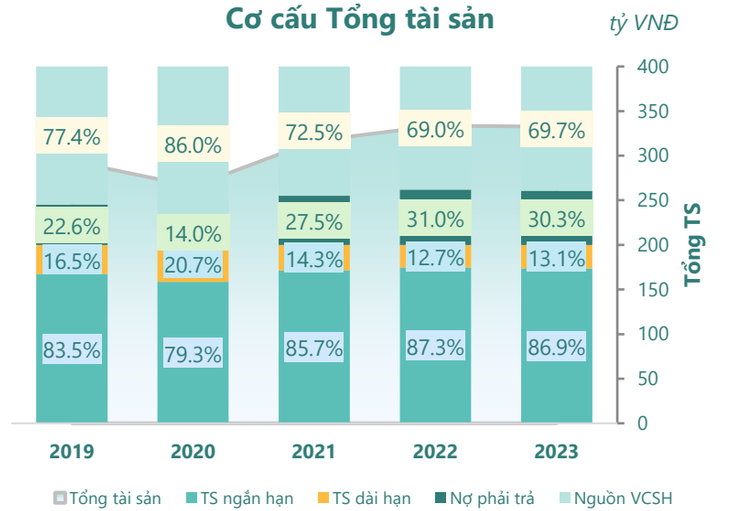
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

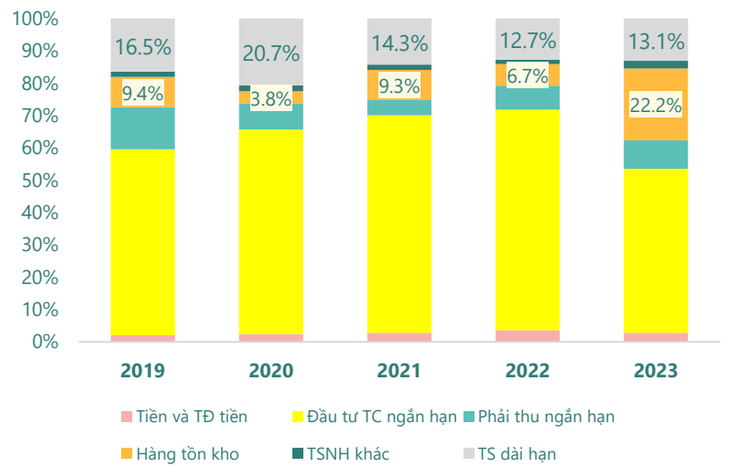
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



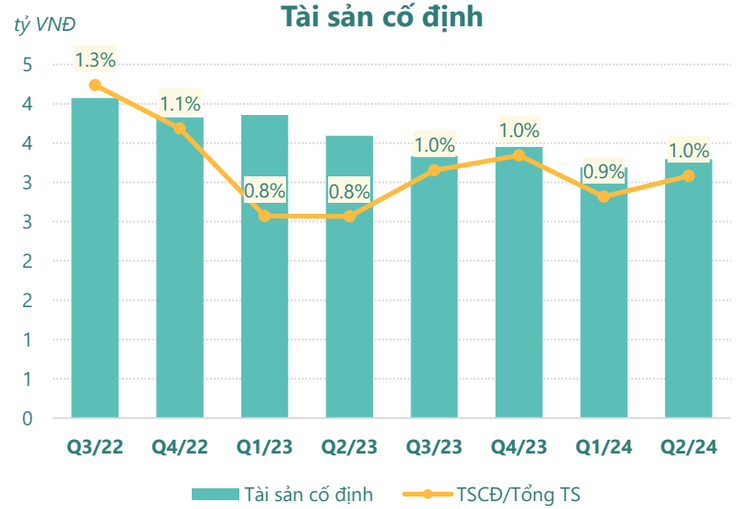
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



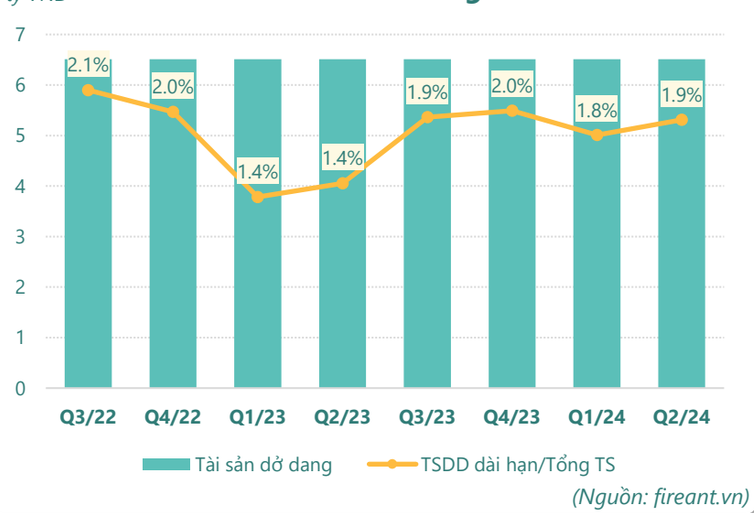
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



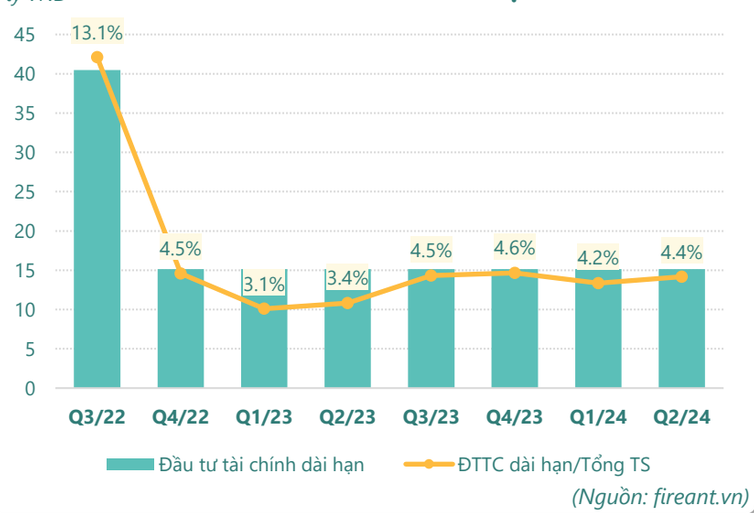
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



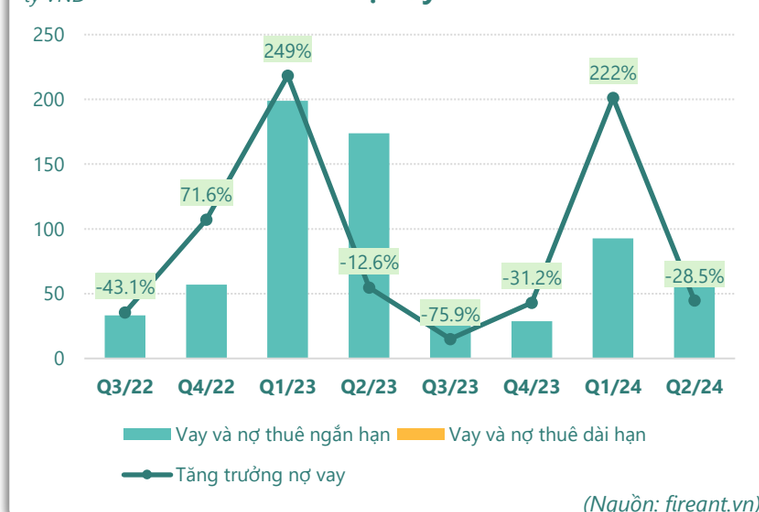
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

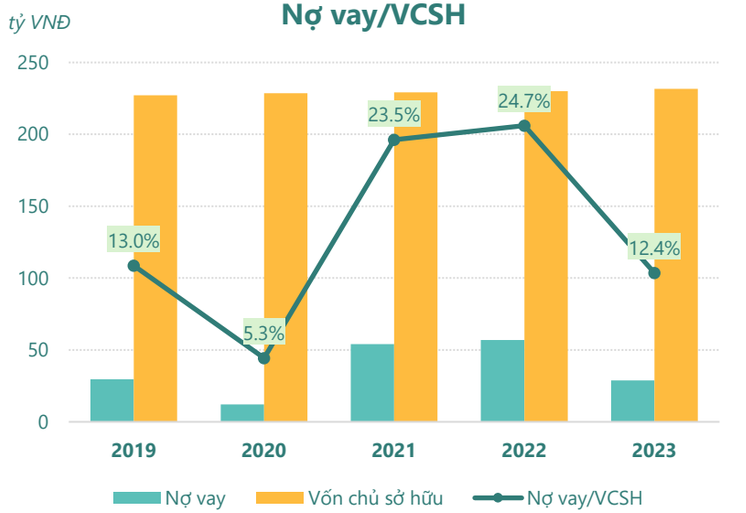
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

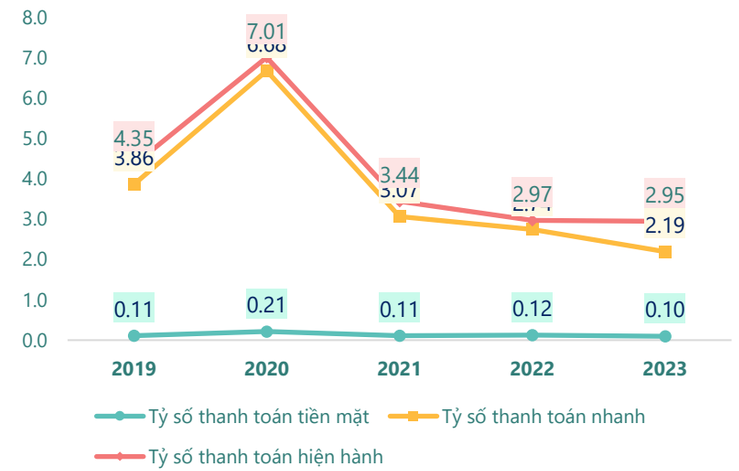
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



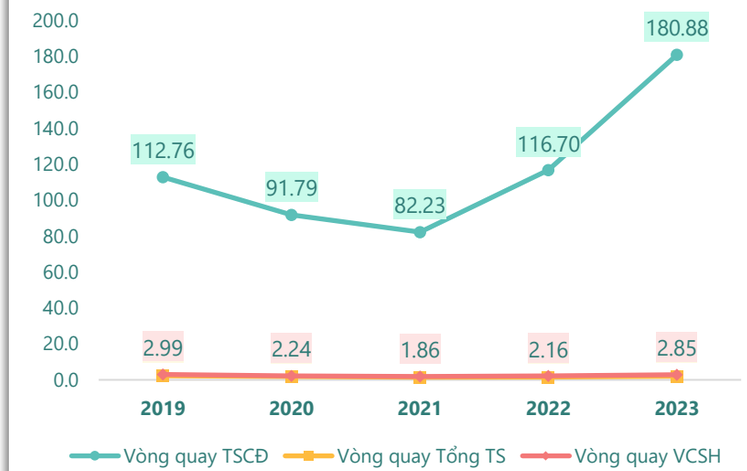
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



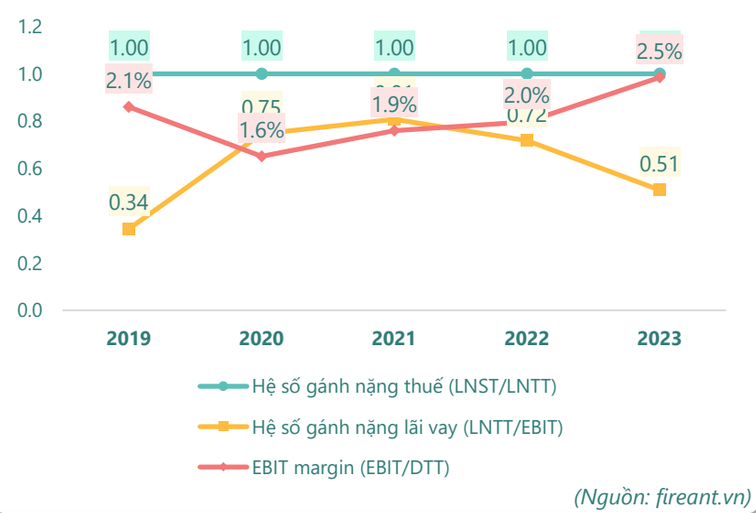
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



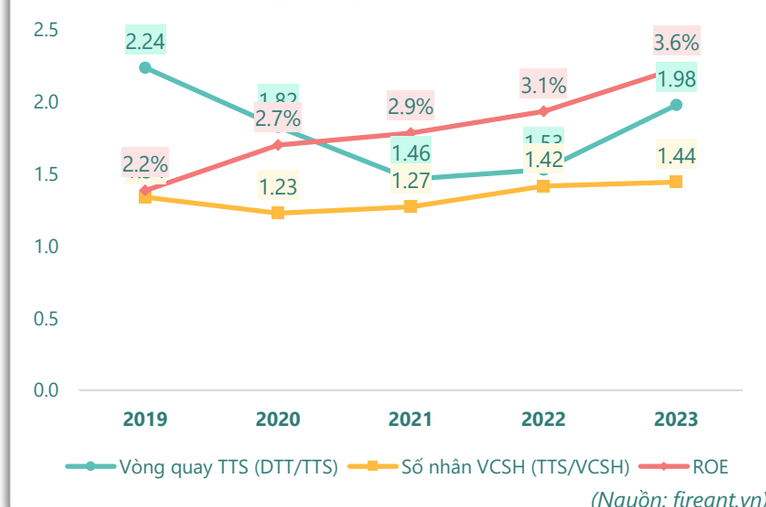
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



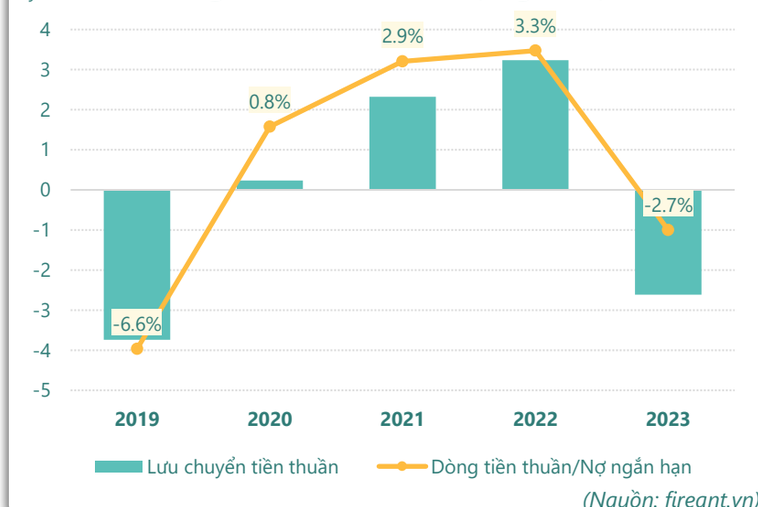
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**110**	**95.6**	**14.9%**	**291**	**243**	**19.5%**
Giá vốn hàng bán	103	90.3	14.1%	276	231	19.3%
Lợi nhuận gộp	6.79	5.28	28.6%	15.0	12.3	22.6%
Doanh thu HĐTC	2.91	7.29	-60.1%	10.8	16.4	-34.3%
Chi phí TC	1.50	3.63	-58.7%	2.11	5.94	-64.5%
Chi phí lãi vay	1.37	3.63	-62.2%	1.81	5.86	-69.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.79	1.38	175%	9.23	4.06	127%
Chi phí QLDN	**3.40**	**6.35**	**-46.5%**	**10.9**	**14.7**	**-25.9%**
LN thuần từ HĐKD	1.02	1.22	-16.8%	3.56	3.97	-10.2%
Lợi nhuận khác	**0.22**	**-0.13**	**266%**	**0.22**	**-0.22**	**198%**
LN trước thuế	1.23	1.09	12.9%	3.78	3.75	0.8%
Lợi nhuận sau thuế	**1.23**	**1.09**	**12.9%**	**3.78**	**3.75**	**0.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.23**	**1.09**	**12.9%**	**3.78**	**3.75**	**0.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-157	-16.1	106	17.1	-78.4	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.87	39.4	26.3	2.64	10.9	5.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	142	-25.0	-132	-19.5	63.9	-26.4
Tiền đầu kỳ	12.0	6.39	4.69	5.51	9.40	5.74
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.62**	**-1.69**	**0.81**	**0.26**	**-3.65**	**-1.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.03	0	0
Tiền cuối kỳ	6.39	4.69	5.51	5.80	5.74	4.43

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**343**	**332**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	299	289	3.6%
Tiền và tương đương tiền	4.43	9.40	-52.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	166	169	-1.5%
Phải thu ngắn hạn	35.9	29.5	21.5%
Hàng tồn kho	88.3	73.8	19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	4.58	7.77	-41.1%
Tài sản dài hạn	**44.2**	**43.5**	**1.6%**
Phải thu dài hạn	6.76	5.13	31.6%
Tài sản cố định	3.29	3.45	-4.6%
Bất động sản đầu tư	4.81	5.30	-9.2%
Tài sản dở dang	6.51	6.51	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	15.1	15.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.72**	**7.99**	**-3.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	116	101	14.9%
Nợ ngắn hạn	**114**	**98.1**	**16.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.3	28.8	130%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	41.4	-68.9%
Nợ dài hạn	1.86	2.79	-33.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**228**	**232**	**-1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**228**	**232**	**-1.7%**
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)